**Phụ lục 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX: ........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *............, Ngày... tháng....năm.....*

# PHƯƠNG ÁN

**KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị vận tải:**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận an toàn của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi).

###### II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Phương tiện: số lượng chính thức và dự phòng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Tuyến khai thác, số chuyến, giá vé, hình thức triển khai bán vé.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: danh sách, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi:

- Màu sơn đăng ký.

- Vị trí gắn hộp đèn taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: Địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng lái xe, hạng giấy phép lái xe, trình độ, đồng phục, thực hiện quy định về tập huấn nghiệp vụ.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Đối với kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ thì nêu rõ việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, tổ chức bộ phận theo dõi về an toàn giao thông.

- Lái xe: số lượng lái xe, trình độ, hạng giấy phép lái xe, thâm niên công tác.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh: ...................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*...................., Ngµy...... th¸ng...... n¨m........*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP**

**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT ............................

1. Tên đơn vị vận tải: ......................................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): ..........................................................................

3. Địa chỉ trụ sở: .....................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax): ...........................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:........................................................... do.....................................................cấp ngày ......... tháng......... năm ..................

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp: ...............................................................

7. Xin cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

- ...................................................................................................................

- ...................................................................................................................

Đơn vị vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu . | **Đại diện đơn vị kinh doanh***(Ký tên, đóng dấu)* |
|  |  |

**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

**1. Hình minh hoạ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan cấp phép (1)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **GIẤY PHÉP** **KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**Số: ......................Cấp lần thứ: ............(Cấp lần đầu: Số ….. Ngày ..........tháng .......năm .........nơi cấp………...)1. Cấp cho đơn vị:…………………………..........................................................
2. Địa chỉ: ..............................................................................................................
3. Số điện thoại: ....................................................................................................
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……...ngày ….. tháng ….. năm ….. cơ quan cấp …………………………………………………………………..
5. Họ và tên người đại diện hợp pháp: ………………………………………….
6. Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô:

- ...............................................................................................................................- ...............................................................................................................................- ...............................................................................................................................- ...Giấy phép có giá trị đến ngày ........../............/............. |
|  | **Cơ quan cấp phép****(Ký tên, đóng dấu)** |

**2. Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:**

- Giấy phép được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng "GIẤY PHÉP” và dòng“KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa màu đỏ đậm, cỡ chữ từ 14 - 18

+ Các dòng chữ khác in font Times New Roman cữ chữ 14 - 16, màu xanh đen

**Phụ lục 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX: ........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *............, Ngày... tháng....năm.....*

**KẾ HOẠCH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

**I. Tổ chức đảm bảo an toàn giao thông của đơn vị vận tải:**

1. Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng ban.

2. Người phụ trách bộ phận an toàn: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

3. Tổ chức bộ phận theo dõi an toàn giao thông của của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi).

**II. Kế hoạch tổ chức vận tải an toàn**

1. Đối với hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt:

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện hàng ngày (bao gồm kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình xe).

- Lịch trình vận tải cho các chuyến xe trong một chu kỳ vận tải (một vòng xe chạy bến đầu-bến cuối-bến đầu bao gồm thời gian dừng đón, trả khách và thời gian dừng nghỉ bắt buộc) trên các tuyến đảm bảo không chạy quá tốc độ.

- Kế hoạch tổ chức lao động cho lái xe và nhân viên phục vụ: tổng số lái xe có giấy phép đúng quy định, số lái xe bình quân đủ điều kiện làm việc, hệ số giờ lái xe làm việc/số giờ xe hoạt động trên tuyến,…. và các hệ số tương tự đối với nhân viên phục vụ trên xe.

2. Đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện trước khi rời điểm đỗ xe (bao gồm kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình xe).

- Lịch trình vận tải cho từng hợp đồng (một vòng xe chạy điểm đầu-điểm cuối-điểm đầu bao gồm thời gian dừng dừng nghỉ bắt buộc) trên các hành trình theo hợp đồng đảm bảo không chạy quá tốc độ.

- Kế hoạch tổ chức phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

3. Đối với hoạt động vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hàng hoá

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện trước khi rời điểm đỗ xe.

- Lịch trình vận tải cho từng hợp đồng (một vòng xe chạy điểm đầu-điểm cuối-điểm đầu bao gồm thời gian dừng dừng nghỉ bắt buộc) trên các hành trình theo hợp đồng đảm bảo không chạy quá tốc độ.

- Kế hoạch tổ chức lao động cho lái xe và nhân viên phục vụ: tổng số lái xe có giấy phép đúng quy định, số lái xe bình quân đủ điều kiện làm việc, hệ số giờ lái xe làm việc/số giờ xe hoạt động trên tuyến,.. và các hệ số tương tự đối với nhân viên phục vụ trên xe.

**III. Tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông**

Kế hoạch tổ chức phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ (nếu có).

**IV. Kiểm tra, giám sát về đảm bảo an toàn giao thông**

1. Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy định về an toàn giao thông của lái xe thông qua thiết bị GSHT:

- Xây dựng phương pháp và biểu mẫu thống kê số lần vi phạm theo các tiêu chí về hành trình, vận tốc, thời gian lái xe liên tục, dừng đỗ không đúng quy định,…

- Thủ tục, phương tiện, cách thức cảnh báo cho lái xe trong khi đang điều khiển phương tiện;

- Biện pháp xử lý khi xẩy ra tai nạn giao thông đối với phương tiện của đơn vị.

 2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn giao thông của lái xe và nhân viên phục vụ (nếu có) trên hành trình.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 5**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**HỢP ĐỒNG**

Số:…………

*- Căn cứ Luật Thương mại số 36 ngày 27/6/2005;*

*- Căn cứ Luật Dân sự số 33 ngày 14/6/2005;*

*- Căn cứ vào nhu cầu của bên mua và khả năng cung cấp của bên bán.*

Hôm nay, ngày tháng năm , tại chúng tôi gồm:

**BÊN A: ..........................................................................**

* Đại diện: ............................ Chức vụ: ..............................
* Địa chỉ: ................................................................................
* Điện thoại: ..........................................................................

**BÊN B: ..........................................................................**

* Đại diện: ............................ Chức vụ: ..............................
* Địa chỉ: ................................................................................
* Điện thoại: ..........................................................................

*Hai Bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng cung cấp thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ với các điều khoản sau:*

**Điều 1: Nội dung hợp đồng:**

1. Bên B cung cấp cho Bên A thiết bị giám sát hành trình ......(loại thiết bị, thông số kỹ thuật của thiết bị, số lượng, đơn giá) (nếu có)
2. Phí duy trì simcard truyền GPRS bên A thanh toán trực tiếp với nhà cung cấp hoặc ủy quyền cho bên B thanh toán hàng tháng. Mức thu...... đồng/tháng (nếu có)
3. Thuê dịch vụ máy chủ để lưu trữ dữ liệu và thực hiện truyền dẫn, cung cấp dữ liệu của các thông tin từ thiết bị giám sát hành trình cho bên B (và cơ quan có thẩm quyền).

Mức phí thuê dịch vụ máy chủ..........đồng/tháng.

**Điều 2: Chất lượng sản phẩm và chế độ bảo hành**

* **S**ản phẩm mới 100%, được nhập khẩu hoặc được sản xuất tại Việt Nam. Sản phẩm đã được Bộ GTVT chứng nhận phù hợp với QCKTQG 31: 2011.
* Chế độ bảo hành, bảo dưỡng thiết bị của bên B.....
* Các chính sách ưu đãi về bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế linh kiện khi thiết bị hỏng hóc trong trường hợp hết hạn bảo hành.....

**Điều 3: Phương thức thanh toán**

* Thanh toán toàn bộ 1 lần hoặc thanh toán nhiều lần (theo thỏa thuận giữa 2 bên)
* Phương thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản.

**Điều 4**: ***Quyền và nghĩa vụ của bên A***

* Yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật khi thiết bị gặp sự cố hoặc hỏng hóc: ....
* Phối hợp với bên B thực hiện lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị giám sát hành trình trên xe.
* Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B như điều 2 và điều 3 của Hợp đồng này.
* Không được tự ý tháo dỡ, sửa chữa, thay đổi vi trí lắp đặt nếu không được sự đồng ý của bên B.
* Khi chấm dứt dịch vụ thuê máy chủ thiết bị phải có văn bản thông báo tới bên B.

**Điều 5**: ***Quyền và nghĩa vụ của bên B***

* Cung cấp sản phẩm đúng chủng loại, tính năng kỹ thuật như Điều 2 của hợp đồng.
* Lắp đặt thiết bị cho bên A, hướng dẫn chi tiết cách sử dụng, vận hành thiết bị và sử dụng phần mềm để khai thác dữ liệu từ thiết bị phục vụ quản lý, điều hành của đơn vị.
* Đảm bảo truyền dẫn đầy đủ, liên tục và chính xác các thông tin gồm: tên Sở GTVT nơi trực tiếp quản lý hoạt động vận tải của phương tiện; tên đơn vị kinh doanh vận tải; biển kiểm soát xe; tên lái xe và các thông tin về hành trình; tốc độ vận hành; số lần và thời gian dừng đỗ, đóng, mở cửa xe; thời gian lái xe của từng lái xe cho bên B (và cơ quan có thẩm quyền).
* Xử lý ngay sự cố để đảm bảo chất lượng dịch vụ, đường truyền cho bên A trừ các trường hợp bất khả kháng ảnh hưởng đến hệ thống như lỗi đường truyền internet quốc tế, đứt cáp truyền dẫn hoặc lỗi mạng GPRS của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, động đất, bão lụt…Thời gian khắc phục sự cố tối đa là: ........(ngày, giờ) kể từ khi nhận được yêu cầu của bên A.
* Cùng trao đổi, thống nhất giải quyết các vấn để phát sinh trong quá trình sử dụng thiết bị giám sát hành trình khi nhận được yêu cầu của bên A.
* Cập nhật, lưu trữ có hệ thống các thông tin bắt buộc tối thiểu 01 (một) năm.
* Cung cấp hóa đơn tài chính cho bên A đúng theo qui định pháp luật.
* Bồi thường cho bên A nếu không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng này làm tổn hại đến bên B. Cụ thể như sau: .............................................................

**Điều 6: Cam kết chung**

* Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có thay đổi phải được hai bên cùng nhau bàn bạc, thoả thuận và tìm mọi biện pháp để giải quyết. Bên nào vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại phải chịu phạt và bồi thường, nếu không giải quyết được thì khiếu nại lên:…………… để giải quyết theo luật định.
* Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có chữ ký đầy đủ của hai bên và được làm thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02(hai) bản.

|  |  |
| --- | --- |
|  **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |

**Phụ lục 6**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh: ...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..............., Ngày..... tháng.....năm.......*

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG CHUNG VỀ DỊCH VỤ VẬN TẢI**

Kính gửi:: Sở GTVT...............

1. Tên đơn vị vận tải: ...................................................................................

2. Địa chỉ: ..............................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax): ...........................................................................................

4. Nội dung đăng ký

a) Đối với phương tiện vận tải gồm:

- Nhãn hiệu xe:............ Sức chứa: ............số lượng xe:......... Trang thiết bị phục vụ hành khách trên xe:................Giới hạn tuổi xe: từ năm......... đến năm ....... tiêu chuẩn khí thải……

- Chế độ bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: ........................................................

- Chế độ kiểm tra điều kiện kỹ thuật, an toàn và vệ sinh phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động: ........................................................................................

b) Đối với lái xe, nhân viên phục vụ:

- Hạng giấy phép lái xe…… tuổi: ............ thâm niên lái xe theo hạng………

- Thời hạn hợp đồng lao động ký kết:..... (nêu rõ số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe được ký kết hợp đồng lao động theo từng loại)

- Hoàn thành chương trình tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về vận tải hành khách và an toàn giao thông, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phục vụ hành khách: ......(Số lượng và tỷ lệ % lái xe, nhân viên phục vụ trên xe đã được tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ)

c) Cam kết chấp hành phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

d) Công tác đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn giao thông: kết quả xây dựng, ban hành và thực hiện nội quy, quy định, quy trình quản lý chất lượng dịch vụ và an toàn giao thông của đơn vị;

e) Quy trình tiếp nhận và xử lý: trình bày quy trình, quy định của đơn vị về giải quyết các thông tin phản ánh, kiến nghị của hành khách và cơ quan thông tin đại chúng (trong đó nêu rõ bộ phận tiếp nhận và trả lời thông tin phản ánh).

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu . | **Đại diện đơn vị kinh doanh***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 7**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh: ...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..............., Ngày..... tháng.....năm.......*

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI**

**TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi:: Sở GTVT ...............

1. Tên đơn vị vận tải: ......................................................................................

2. Địa chỉ: ..............................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax): ...........................................................................................

4. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

 Tỉnh đi ............ tỉnh đến.........; Bến đi........... Bến đến............. như sau:

a) Chất lượng phương tiện:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát xe | Nhãn hiệu xe | Số ghế | Năm sản xuất | Trang thiết bị phục vụ hành khách trên xe |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |

b) Việc chấp hành phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô: .......

c) Các quyền lợi của hành khách gồm: ...... (các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình, chế độ bảo hiểm, số lượng hành lý mang theo được miễn cước)

d) Địa chỉ, số điện thoại nhận thông tin phản ánh của hành khách: ...........

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu . | **Đại diện đơn vị kinh doanh***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:** Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 4.**Phụ lục 8**

**Quy trình quản lý các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung** | **Tổ chức, cá nhân thực hiện** | **Thời điểm thực hiện** |
|  **1** | Ban hành quy định, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân trong việc thông tin, quảng cáo, mua sắm, cung cấp hàng hóa, dịch vụ để phục vụ cho hành khách trên hành trình. | Lãnh đạo đơn vị | Trước khi đưa xe vào hoạt động  |
| **2** | Thông tin, quảng cáo bằng nhiều hình thức để hành khách biết rõ các dịch vụ được hưởng trên hành trình.(Niêm yết theo quy định, trên phương tiện thông tin đại chúng, in trên mặt sau của vé …) | Các bộ phận, cá nhân đã được lãnh đạo phân công | Trước và trong quá trình hoạt động vận chuyển  |
| **3** | Thực hiện việc mua sắm, chuẩn bị các dịch vụ sẵn sàng cung cấp cho hành khách. | Các bộ phận, cá nhân đã được lãnh đạo phân công | Trước khi đưa xe vào hoạt động  |
| **4** | Thông báo và giao nhiệm vụ cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và các bộ phận, cá nhân liên quan khác về trách nhiệm cung cấp các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình. | Lãnh đạo các bộ phận liên quan, cán bộ trực tiếp giao nhiệm vụ cho lái xe | Trong quá trình đào tạo, tập huấn hoặc khi bố trí, giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe. |
| **5** | Thông báo trực tiếp hoặc sử dụng thiết bị hình ảnh, âm thanh trên xe để thông tin cho hành khách về các dịch vụ hành khách được hưởng trên hành trình; các vấn đề cần lưu ý; địa chỉ, số điện thoại liên hệ khi HK có ý kiến phản ánh, khiếu nại, kiến nghị. | Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe  | Trước hoặc ngay khi xe bắt đầu khởi hành  |
| **6** | Cung cấp các dịch vụ cho hành khách. | Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe  | Trong suốt hành trình. |
| **7** | Lắng nghe, nắm bắt, tiếp nhận các ý kiến phản hồi của hành khách về chất lượng dịch vụ cung cấp cho HK để báo cáo lại bộ phận có trách nhiệm.Giải quyết ngay những ý kiến, kiến nghị của HK trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình. | Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe  | Trong suốt hành trình. |

**Phụ lục 9**

**PHÙ HIỆU**

**“XE CHẠY TUYẾN CỐ ĐỊNH”**

**1. Hình minh họa:**

Số: .................

**XE CHẠY TUYẾN CỐ ĐỊNH**

|  |  |
| --- | --- |
| Cấp cho: ........(ghi tên DN, HTX)..... |  |
| Biển số xe: .................................. | **SỞ GTVT………………**  |
| Tuyến hoạt động: ………………. | *(Ký tên, đóng dấu)* |
| Có giá trị đến: ......./......./........... |  |

 Ccao

Ddài

****

**Tem chống giả**

**2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Kiểu chữ  | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
| "Số ........../........." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 ± 18 |
| "XE CHẠY TUYẾN CỐ ĐỊNH" | Times New Roman (in hoa) | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Cấp cho:""Biển số xe:"Phạm vi hoạt động""Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 ± 18 |

**3. Kính thước phù hiệu:**

Chiều dài: Ddài  = 200mm ± 20mm

Chiều cao: Ccao = 100mm ± 15mm

**4. Mầu sắc của các loại phù hiệu:**

a) Viền màu đỏ nhạt, chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách sử dụng cho xe khách tuyến cố định hoạt động ở cự ly lớn hơn 300km.

b) Viền màu xanh nhạt chữ màu xanh đậm nền mầu hồng nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách sử dụng cho xe khách tuyến cố định hoạt động ở cự ly từ 300km trở xuống.

**Phụ lục 10.a**

**SỔ NHẬT TRÌNH CHẠY XE**

1. Mặt trước trang bìa trước:

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ………………**SỔ NHẬT TRÌNH CHẠY XE**(Dùng cho xe ô tô vận chuyển khách tuyến cố định)**Tuyến 1**:………………đi…...................và ngược lạiBến đi:………………….., bến đến:……………Cự ly:………………….., Mã số tuyến:…………………….**Tuyến 2**:………………đi…...................và ngược lạiBến đi:………………….., bến đến:……………Cự ly:………………….., Mã số tuyến:…………………….Biển số đăng ký xe: ................................................................Nhãn hiệu xe:............................................................................Số ghế:.....................................................................................Tên đơn vị vận tải:...................................................Địa chỉ:.....................................................................................Điện thoại:................................................................................ |

1. Mặt sau trang bìa trước:

DANH SÁCH ĐIỂM DỪNG ĐÓN, TRẢ KHÁCH CHIỀU ĐI

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên điểm dừng đón, trả khách** | **Địa chỉ (ghi rõ lý trình hoặc địa danh nơi dừng đón, trả khách)** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

1. Trang 1:

DANH SÁCH ĐIỂM DỪNG ĐÓN, TRẢ KHÁCH CHIỀU VỀ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên điểm dừng đón, trả khách** | **Địa chỉ (ghi rõ lý trình hoặc địa danh nơi dừng đón, trả khách)** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

1. Nội dung các trang tiếp theo

TUYẾN: …………………….

|  |
| --- |
| **Lượt đi:**1. Họ và tên lái xe:…………………………………….GPLX hạng:………Có giá trị đến:..............………………...........................… GPLX hạng:………Có giá trị đến:...............……………….......………………. GPLX hạng:…....…Có giá trị đến:..........….2. Họ và tên nhân viên phục vụ trên xe (nếu có):……............................……….……………………………………………………………………………………3. Giờ xuất bến theo biểu đồ:........................ tại bến xe:……...........……………. |
| 1. Giờ xuất bến thực tế……2. Số khách đi xe tại bến .......người Ngày…..tháng …….năm…..**Bến xe nơi đi***(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |  Giờ đến bến thực tế………...Ngày…..tháng….năm…..**Bến xe nơi đến***(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |
| **Lượt về:**1. Họ và tên lái xe:…………………………………….GPLX hạng:………Có giá trị đến:..............………………...........................… GPLX hạng:………Có giá trị đến:...............……………….......………………. GPLX hạng:…....…Có giá trị đến:..........….2. Họ và tên nhân viên phục vụ trên xe (nếu có):……............................……….…………………………………………………………………………………….3. Giờ xuất bến theo biểu đồ:........................ tại bến xe:……...........……………. |
| 1. Giờ xuất bến thực tế……2. Số khách đi xe tại bến .......người Ngày…..tháng …….năm…..**Bến xe nơi đi***(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |  Giờ đến bến thực tế………...Ngày…..tháng….năm…..**Bến xe nơi đến***(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

1. Nội dung trang bìa sau

**HƯỚNG DẪN CÁCH GHI SỔ**

1. Sổ nhật trình chạy xe có kích thước 130 mm x 190 mm, gồm 48 (hoặc 100) trang, có đóng dấu treo của Sở Giao thông vận tải địa phương trên trang bìa và dấu giáp lai giữa các trang.

2. Thời hạn sử dụng theo quy định của đơn vị vận tải.

3. **Nội dung do Sở GTVT ghi**:

* Tên doanh nghiệp, HTX:…………………………(Ghi đúng tại văn bản chấp thuận).
* Địa chỉ:…………………( Ghi địa chỉ trụ sở của doanh nghiệp, HTX hoặc chi nhánh).
* Số điện thoại: ……………………..(Ghi số điện thoại trụ sở của doanh nghiệp, HTX).
* Tuyến vận chuyển: ………………………(Ghi đúng tên tuyến tại văn bản chấp thuận).
* Bến đi, Bến đến: …………… .(Ghi đúng tên bến đi, bến đến tại văn bản chấp thuận).
* Cự ly, mã số tuyến………………………….
* Biển số đăng ký xe ô tô, nhãn hiệu: ……………. (Ghi đúng biển số đăng ký xe tại văn bản chấp thuận).

4. **Nội dung do bến xe ghi**:

* Số khách đi xe tại bến: ….(Ghi đúng số lượng khách trên xe tại thời điểm xe xuất bến).
* Giờ xuất bến: …………………………(Ghi đúng giờ xuất bến thực tế của xe).
* Giờ đến bến: …………………………………..(Ghi đúng giờ đến bến thực tế của xe).
* Bến xe xác nhận và đóng dấu.

5. **Nội dung do doanh nghiệp, HTX ghi**:

* Giờ xuất bến theo biểu đồ…………..Tại Bến xe……..
* Họ, tên lái xe, hạng và thời hạn của GPLX
* Họ, tên nhân viên phục vụ trên xe (nếu có)

**Phụ lục 10.b**

|  |  |
| --- | --- |
|  **TÊN ĐƠN VỊ:……...****Điện thoại:………****Mã số thuế:………….**Số: /HHVT-TV | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *…………, ngày….. tháng ….. năm ……..* |
|  **Số:………………………** |

**LỆNH VẬN CHUYỂN**

**Dùng cho xe ô tô khách vận chuyển khách tuyến cố định**

Có giá trị từ ngày ………………… đến ngày ……………………..

|  |  |
| --- | --- |
| Cấp cho ông:………………………..………….. Lái xe thứ nhất ông:………………………….………….. Lái xe thứ hai ông:…………………...….... Nhân viên phục vụ trên xeĐiều khiển xe ô tô biển số:…………………. số ghế:…………..Hoạt động tuyến:………………………………………………...Bến đi:………………………… Bến đến:………………………Hành trình chạy xe:…………………………………………….. | Thủ trưởng đơn vị(Ký và đóng dấu) |
| Xác nhận cán bộ kiểm tra kiểm tra xe |
| Bến xe đi  | Xuất bến……. giờ ngày………….. | Số khách | Bến xe (Ký và đóng dấu) |
| Bến xe nơi đến  | đến bến ……. giờ ngày………….. |  |  |
| Bến xe đi |  |  |  |
| Bến xe nơi đến |  |  |  |
| Bến xe đi |  |  |  |
| Bến xe nơi đến |  |  |  |

Bến xe ghi vào ô ngày giờ đi đến, đóng dấu; bến xe nơi đến là bến xe nơi đi lượt về ngoài các nội dung trên doanh nghiệp bổ sung vào lệnh những nội dung cần quản lý: như sản lượng, doanh thu…

**Phụ lục 11**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX: .............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*........., Ngày.... tháng....năm........*

**GIẤY ĐĂNG KÝ ......(1)..... TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ............

1. Tên đơn vị vận tải:.............................................................................

2. Địa chỉ: ...............................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax): ...........................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ...........ngày ........./...../......... cơ quan cấp .......................................................................................................

5. Đăng ký ..........(1)..................tuyến:

Nơi đi: ..................................Nơi đến: ................................(2)

 Bến đi: .................................. Bến đến: ..................................

Cự ly vận chuyển: .................km

Hành trình chạy xe: ...............................................................

6. Công văn chấp thuận khai thác số: .........../..... do*......(ghi tên cơ quan cấp)* …..cấp ngày .../...../.....(3)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX***(Ký tên, đóng dấu)* |
|  |  |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi một trong các nội dung sau: Mở tuyến/đăng ký khai thác hoặc tăng tần suất chạy xe.

(2) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh)

(3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

**Phụ lục 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX...**⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯** |

# PHƯƠNG ÁN

# KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

**I. Đặc điểm tuyến:**

Tên tuyến: ...................................đi.................................và ngược lại

Bến đi:..................................................................

Bến đến:..............................................................

Cự ly vận chuyển:........................................km

Lộ trình: ..............................................................................................

**II. Biểu đồ chạy xe:**

Số chuyến (tài, nốt) ................trong ngày, tuần, tháng.

***1. Lượt đi***: bến xe: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Ngày, tuần, tháng có . . . . . . nốt (tài) xuất bến như sau:

a. Giờ xuất bến:

- Tài (nốt) 1 xuất bến lúc . . . . . . giờ.... phút, vào các ngày................

- Tài (nốt) 2 xuất bến lúc . . . . . . giờ.....phút, vào các ngày.................

- . . . .

b. Các điểm dừng đón, trả khách trên đường:

Các chuyến xe sẽ dừng đón trả khách tại các điểm như sau:

(Ghi cụ thể lý trình trên quốc lộ, tỉnh lộ hoặc địa danh nơi dừng đón, trả khách)

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ 2:

- . . .

 c. Các trạm dừng nghỉ để phục vụ nhu cầu của khách:.....

***2. Lượt về:*** bến xe: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

Ngày, tuần, tháng có . . . . . . nốt (tài) xuất bến như sau:

 a. Giờ xuất bến:

- Tài (nốt) 1 xuất bến lúc . . . . . . giờ.... phút, vào các ngày................

- Tài (nốt) 2 xuất bến lúc . . . . . . giờ.....phút, vào các ngày.................

- . . . .

b. Các điểm dừng đón, trả khách trên đường:

Các chuyến xe sẽ dừng đón trả khách tại các điểm như sau:

(Ghi cụ thể lý trình trên quốc lộ, tỉnh lộ hoặc địa danh nơi dừng đón, trả khách)

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ 2:

- . . .

c. Các trạm dừng nghỉ để phục vụ nhu cầu của khách:..........

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe . . . giờ ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

**III. Danh sách xe:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Số ghế | Tên đăng ký sở hữu xe | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến đã được chấp thuận khai thác |
|  |  |  |  |  |  |  | Bến đi....-Bến đến... |

**IV. Số lượng lái xe, nhân viên phục vụ bố trí trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt tài | Số lái xe | Số nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Tài 1 |  |  |  |
| 2 | Tài 2 |  |  |  |
|  | .... |  |  |  |

**V. Giá vé**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:................... đồng/HK

b) Giá vé chặng (nếu có

 - Chặng 1 (từ .....đến.......): ........................đồng/HK

 - Chặng 2 (từ.....đến .......):.........................đồng/HK

 - Chặng................

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước: .....................................kg

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:........................đ/kg

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:...................

b) Bán vé tại đại lý: ......................... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)

c) Bán vé qua mạng:.............. (địa chỉ trang web)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 13.a**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…..Số: .............. /.............. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯ |
|  | .............., ngày ...... tháng..... năm ..... |

# CHẤP THUẬN TẠM THỜI PHƯƠNG ÁN

# ………(1)…. TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

# BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: .........(*Tên doanh nghiệp, HTX gửi hồ sơ đăng ký*)........

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng ô tô:

Sở Giao thông vận tải…..chấp thuận tạm thời ……(1):

Tên tuyến: ...........đi ……......và ngược lại (2);

Bến đi: Bến xe ......................... (thuộc tỉnh (TP) .......(*tỉnh đi*).......)

Bến đến: Bến xe ............................... (thuộc tỉnh (TP)......(*tỉnh đến*)....)

Hành trình chạy xe: ................................................................................................

Cự ly vận chuyển: ........................ km

Danh sách các điểm dừng đón, trả khách; các trạm dừng nghỉ (có phụ lục kèm theo)

Mã số tuyến: ............................................................

Số chuyến/ngày/tuần/tháng:…………

Giờ xuất bến:

- Tại bến đi: …….. giờ.... phút, vào các ngày................

- Tại bến đến:…….giờ.... phút, vào các ngày................

Số lượng xe tham gia khai thác/bổ sung xe tăng tần suất.............

Sức chứa:……….hành khách; Nhãn hiệu xe:…………… Năm SX:

*(Tên doanh nghiệp, HTX*) có trách nhiệm đầu tư, mua sắm và nộp bản sao công chứng đăng ký toàn bộ các phương tiện theo …(1)…. được chấp thuận trong thời gian ………….ngày kể từ ngày ký văn bản này.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** |  | **GIÁM ĐỐC** |
| - Như trên;- Tổng cục ĐBVN;- Sở GTVT liên quan;- Bến xe hai đầu tuyến;- Lưu; |  | *(Ký tên, đóng dấu)* |
| **Ghi chú:** (1) Ghi một trong các nội dung sau: mở tuyến/ khai thác tuyến/tăng tần suất chạy xe. (2) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh) |

**Phụ lục 13.b**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI…..Số: .............. «SoCVCT»/.............. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯ |
|  | .............., ngày ...... tháng..... năm ..... |

# CHẤP THUẬN

# ………(1)…. TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

# BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: .........(*Tên doanh nghiệp, HTX gửi hồ sơ đăng ký*)........

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng ô tô:

Sở Giao thông vận tải…..chấp thuận ……(1):

Tên tuyến: ...........đi ……......và ngược lại (2);

Bến đi: Bến xe ......................... (thuộc tỉnh (TP) .......(*tỉnh đi*).......)

Bến đến: Bến xe ............................... (thuộc tỉnh (TP)......(*tỉnh đến*)....)

Hành trình chạy xe: ................................................................................................

Cự ly vận chuyển: ........................ km

Danh sách các điểm dừng đón, trả khách; các trạm dừng nghỉ (có phụ lục kèm theo)

Mã số tuyến: ............................................................

Số chuyến/ngày/tuần/tháng:…………

Giờ xuất bến:

- Tại bến đi: …….. giờ.... phút, vào các ngày................

- Tại bến đến:…….giờ.... phút, vào các ngày................

Danh sách xe tham gia khai thác/bổ sung xe tăng tần suất.............

Thời hạn khai thác thử của xe trên tuyến của.............(*tên doanh nghiệp, HTX*) ............ là .............06 tháng kể từ ngày ký văn bản này. *(nội dung này chỉ dùng cho trường hợp đăng ký mở tuyến)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** |  | **GIÁM ĐỐC** |
| - Như trên;- Tổng cục ĐBVN;- Sở GTVT liên quan;- Bến xe hai đầu tuyến;- Lưu; |  | *(Ký tên, đóng dấu)* |
| **Ghi chú:** (1) Ghi một trong các nội dung sau: mở tuyến/ khai thác tuyến/tăng tần suất chạy xe. (2) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh) |

**Phụ lục 14**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX: ................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..............., Ngày tháng năm*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

(*Dùng cho doanh nghiệp, HTX đề nghị công bố các tuyến hết thời gian khai thác thử*)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải........

1. Tên đơn vị vận tải:.............................................................................

2. Địa chỉ: ...........................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax): ...........................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ................ngày ......./...../.......

 cơ quan cấp .......................................................................

5. Thông tin về tuyến

 Nơi đi: .................................. Nơi đến: ................................(1)

 Bến đi: .................................. Bến đến: ................................

Hành trình chạy xe: ...............................................................

Cự ly vận chuyển: .................km

Mã số tuyến:............................

6. Danh sách xe:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Số ghế | Tên đăng ký sở hữu xe | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến đã được chấp thuận khai thác |
| 1 |  |  |  |  |  |  | Bến đi....-Bến đến... |
| 2 |  |  |  |  |  |  | Bến đi....-Bến đến... |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

7. Văn bản chấp thuận mở tuyến số ................/....... ngày ....../......../.........

 ....(Tên doanh nghiệp, hợp tác xã).... đề nghị Sở Giao thông vận tải (công bố đối với tuyến cố định nội tỉnh) hoặc (báo cáo Tổng cục Đường bộ Việt Nam công bố đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh) theo quy định ./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX***(Ký tên, đóng dấu)* |
|  |  |
|  |  |

 (1) Ghi tên tỉnh(nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh)

**Phụ lục 15**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX: ......** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*............., Ngày...... tháng..... năm.....*

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ KHAI THÁC THỬ TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải............

 Thực hiện văn bản chấp thuận mở tuyến số ….. ngày ..tháng …năm của Sở GTVT…,…(tên doanh nghiệp, hợp tác xã)…. báo cáo kết quả khai thác thử trên tuyến……(tên tuyến)….. từ ngày ….tháng….năm….đến ngày…..tháng…năm…như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách:
2. Về thực hiện biểu đồ chạy xe
* Tổng số chuyến xe (theo văn bản chấp thuận):..........
* Tổng số chuyến xe thực hiện:.............
* Tổng số chuyến xe không thực hiện:.............nguyên nhân:.............
* Tỷ lệ chuyến xe thực hiện/Tổng số chuyến xe (theo văn bản chấp thuận):......
1. Về sản lượng khách
* Tổng sản lượng khách vận chuyển:..............................................
* Sản lượng khách bình quân/chuyến xe:........................................
* Sản lượng khách bình quân khi xuất bến/chuyến xe…………….
* Hệ số sử dụng ghế xe bình quân:..................................................
1. Tình hình thực hiện chất lượng dịch vụ đã đăng ký (báo cáo theo từng nội dung cụ thể trong đăng ký chất lượng dịch vụ)
2. Tình hình vi phạm của phương tiện, lái xe thông qua thiết bị giám sát hành trình (báo cáo 5 thông tin bắt buộc)
3. Đề xuất, kiến nghị và giải pháp khắc phục: ………….

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp/Hợp tác xã**(Ký tên, đóng dấu) |

**Phụ lục 16**

|  |  |
| --- | --- |
| Cơ quan có thẩm quyền:......... | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **Số: /** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯ |
|  | ..........., ngày.......tháng......năm ........ |

# CÔNG BỐ TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH BẰNG Ô TÔ

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | .............................................................(1) |

Căn cứ văn bản đề nghị công bố tuyến của …...(2)…… và báo cáo kết quả khai thác thử của doanh nghiệp, hợp tác xã; ..*(tên* *cơ quan công bố tuyến)…*công bố tuyến……………………………là tuyến chính thức trong danh mục tuyến vận tải khách cố định……( *liên tỉnh hoặc nội tỉnh*)… như sau:

 Tên tuyến: Nơi đi: .......................... Nơi đến: ........................và ngược lại (3)

Bến đi: Bến xe ........................... ( thuộc .......................);

Bến đến: Bến xe ........................... ( thuộc.......................)

Hành trình chạy xe: ...............................................................

Cự ly vận chuyển: .................km

Mã số tuyến:.........................

Đồng thời chấp thuận ...................(*tên doanh nghiệp, HTX*) ................ chính thức khai thác tuyến nói trên. Thời gian tham gia khai thác ...........năm tính từ ngày ký văn bản này.

Danh sách xe tham gia khai thác tuyến: .........................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Bến xe nơi đi;- Bến xe nơi đến;- Lưu.  | Cơ quan công bố tuyến(Ký tên, đóng dấu) |
| (1) - Đối với tuyến liên tỉnh: Sở GTVT liên quan và doanh nghiệp(HTX) đề nghị công bố tuyến.- Đối với tuyến nội tỉnh: Tổng cục ĐBVN và DN, HTX đề nghị công bố tuyến.(2) - Đối với tuyến liên tỉnh: Sở Giao thông vận tải - Đối với tuyến nội tỉnh: Doanh nghiệp (HTX) (3) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh) |
|  |
|  |

**Phụ lục 17**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX: ...........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*........., Ngày.... tháng....năm........*

**THÔNG BÁO**

**......(1)..... TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi:: ........(*ghi: Sở Giao thông vận tải,Bến xe nơi đi, Bến xe nơi đến*) ..........

1. Tên đơn vị vận tải:.............................................................................

2. Địa chỉ: ...............................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax): ...........................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ...........ngày ........./...../......... cơ quan cấp .......................................................................................................

5. Kể từ ngày*......./........./.........*Doanh nghiệp (HTX*)* sẽ..........(1).....trên tuyến ...................

6. Danh sách xe bổ sung hoặc thay thế:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Biển kiểm soát** | **Số ghế** | **Tên đăng ký sở hữu xe** | **Nhãn hiệu xe** | **Nước sản xuất** | **Năm sản xuất** | **Tuyến đã được chấp thuận khai thác** |
| 1 |  |  |  |  |  |  | Bến đi....-Bến đến... |
| 2.. |  |  |  |  |  |  | Bến đi....-Bến đến... |

7. Danh sách xe ngừng:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Biển kiểm soát** | **Số ghế** | **Tên đăng ký sở hữu xe** | **Nhãn hiệu xe** | **Nước sản xuất** | **Năm sản xuất** | **Tuyến đã được chấp thuận khai thác** |
| 1 |  |  |  |  |  |  | Bến đi....-Bến đến... |
| 2.. |  |  |  |  |  |  | Bến đi....-Bến đến... |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi một trong các nội dung sau: ngừng khai thác xe (chỉ với trường hợp giảm tần suất chạy xe); ngừng khai thác trên toàn tuyến hoặc bổ sung nhưng không làm tăng tần suất chạy xe, thay thế xe. Nếu là ngừng khai thác xe hoặc ngừng khai thác trên toàn tuyến thì không cần lập danh sách.

**Phụ lục 18**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải: ...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *..............., Ngày..... tháng.....năm.......*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (ĐỔI)**

**PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU, SỔ NHẬT TRÌNH CHẠY XE**

Kính gửi: ..........(Sở giao thông vận tải) ...............

1. Tên đơn vị vận tải: ...................................................................................

2. Địa chỉ: ..............................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax): ...........................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....................................................................................................................

 Số lượng phù hiệu, biển hiệu và sổ nhật trình chạy xe nộp lại:

 - Phù hiệu ( Biển hiệu):..........................

 - Sổ Nhật trình: ..................

 Đề nghị được cấp (đổi): (1)..............................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng Phù hiệu, Biển hiệu, Sổ nhật trình chạy xe đơn vị xin cấp hoặc đổi theo từng loại.

**Phụ lục 19**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:......** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /.................** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*.............., ngày....... tháng..... năm........*

# ĐĂNG KÝ BIỂU TRƯNG (LOGO)

# CỦA XE TAXI, MÀU SƠN CỦA XE BUÝT

Kính gửi: Sở GTVT .................................................

1.Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã........................... ..................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .........................................................................

3. Trụ sở: .................................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax): ............................................................................................

5. Giấy phép kinh doanh vận tải số:........ do..........................................................

 cấp ngày ......... tháng......... năm ...................

......(*Tên doanh nghiệp/HTX*)....đăng ký màu sơn xe buýt thuộc đơn vị với đặc trưng như sau: ..........................................

......(*Tên doanh nghiệp/HTX*)....đăng ký biểu trưng (logo) của xe taxi như sau:............

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của sở Giao thông vận tải***Ngày..... tháng...... năm......**(Ký tên, đóng dấu)* | **Đại diện doanh nghiệp, HTX***(Ký tên, đóng dấu)* |

 **Phụ lục 20**

**Phù hiệu “XE TAXI”**

**1. Hình minh hoạ:**

Số: .................

**XE TAXI**

|  |  |
| --- | --- |
| Đơn vị: |  **SỞ GTVT………………**  |
| Biển đăng ký: | *(Ký tên, đóng dấu)* |
| Có giá trị đến: |  |

 Ccao

Ddài



**Tem chống giả**

**2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Kiểu chữ  | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
| "Số ........../........." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 ± 18 |
| "XE TAXI" | Times New Roman (in hoa) kéo dãn | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:""Biển đăng ký:"Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 ± 18 |

**3. Kính thước phù hiệu:**

Chiều dài: Ddài = 200mm ± 20mm

Chiều cao: Ccao = 100mm ± 15mm

**4. Mầu sắc của phù hiệu:** Chữ bên trong màu xanh đậm, khung viền cùng màu chữ, nền hoa văn của biển hiệu màu hồng nhạt in chìm hình 1 chiếc ô tô 5 chỗ ở chính giữa phù hiệu.

**Phụ lục 21**

**PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”**

**1. Hình minh hoạ:**

Số: .................

**XE HỢP ĐỒNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Đơn vị: |  **SỞ GTVT………………**  |
| Biển đăng ký: | *(Ký tên, đóng dấu)* |
| Có giá trị đến: |  |

 Ccao

Ddài



**Tem chống giả**

**2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Kiểu chữ  | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
| "Số ........../........." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 ± 18 |
| "XE HỢP ĐỒNG" | Times New Roman (in hoa) | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:""Biển đăng ký:"Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 ± 18 |

**3. Kính thước phù hiệu:**

Chiều dài: Ddài = 200mm ± 20mm

Chiều cao: Ccao = 100mm ± 15mm

**4. Mầu sắc của phù hiệu:** Viền màu đỏ nhạt, nền màu xanh nhạt có in chìm chiếc xe ô tô khách. Đối với phù hiệu cấp cho xe chạy trên 300km chữ màu đỏ đậm; cấp cho xe chạy từ 300 km trở xuống chữ màu xanh đậm.

 **Phụ lục 22**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị kinh doanh: ...........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*...................., Ngày.... tháng.... năm.....*

**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH**

(Kèm theo hợp đồng kinh tế số ......./.......... ngày ...... tháng ....... năm ......)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ tên hành khách | Năm sinh | Ghi chú |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| ...... |  |  |  |
|  | Tổng số: ............ người |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị kinh doanh***(Ký tên, đóng dấu (nếu có))* | **Đại diện tổ chức, cá nhân** **bên thuê vận tải**(*Ký tên, đóng dấu (nếu có)*) |

Ghi chú: Đơn vị kinh doanh đóng dấu treo vào tất cả các trang của danh sách.

**Phụ lục 23**

**Phù hiệu “XE CÔNG – TEN - NƠ”**

**1. Hình minh hoạ:**

Số: .................

**XE CÔNG-TEN-NƠ**

|  |  |
| --- | --- |
| Đơn vị: |  **SỞ GTVT………………**  |
| Biển đăng ký: | *(Ký tên, đóng dấu)* |
| Có giá trị đến: |  |

 Ccao

Ddài



**Tem chống giả**

**2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Kiểu chữ  | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
| "Số ........../........." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 ± 18 |
| "XE CÔNG-TEN-NƠ" | Times New Roman (in hoa) kéo dãn | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:""Biển đăng ký:"Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 ± 18 |

**3. Kính thước phù hiệu:**

Chiều dài: Ddài = 200mm ± 20mm

Chiều cao: Ccao = 100mm ± 15mm

**4. Mầu sắc của phù hiệu:** Chữ bên trong màu cam, khung viền cùng màu chữ, nền hoa văn của biển hiệu màu xanh nhạt in chìm hình 1 chiếc ô tô 5 chỗ ở chính giữa phù hiệu.

 **Phụ lục 24**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN ĐƠN VỊ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..................., ngày tháng năm…*..

# GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA *…….(tên bến xe hàng)……* VÀO KHAI THÁC

Kính gửi: Sở GTVT…….

 1. Tên đơn vị:...................................................................................................................

 2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....................................................................................

 3. Trụ sở: ..........................................................................................................................

 4. Số điện thoại (Fax):.......................................................................................................

 5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.............. do............................cấp ngày .... ....tháng........ năm ...........

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư /2013/TT-BGTVT ngày tháng năm 2013 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT…….kiểm tra, xác nhận và công bố đưa ……(tên bến xe hàng)…… thuộc tỉnh:........................... vào khai thác. Cụ thể như sau:

 - Tên bến xe:.............................................................................................................

 - Địa chỉ:(1).....................................................................................................................

 - Tổng diện tích đất: (2)………………………………………………………………...

 ….(tên đơn vị)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu… | **Đại diện đơn vị**(Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

 (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng

(2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất

**Phụ lục 25**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND tỉnh, TP…..****SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số:………/QĐ-….. | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*.................., ngày tháng năm*

# QUYẾT ĐỊNH

# Về việc ……(1)……….điểm đón-trả khách ….(tên điểm)…..

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

 Căn cứ quyết định số .......của Uỷ ban nhân dân tỉnh.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải.

 Căn cứ quyết định số .......của Uỷ ban nhân dân tỉnh.... về việc phê duyệt quy hoạch các điểm đón-trả khách trên địa bàn tỉnh/thành phố…..

 Căn cứ Thông tư số :......../2013/TT - BGTVT ngày ........tháng.........năm...... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

 Căn cứ văn bản kiểm tra của Sở Giao thông vận tải, ngày...../......./.......

 Xét đề nghị của ………….

**QUYẾT ĐỊNH**

 **Điều 1.** Công bố ........(1)..........điểm đón-trả khách phục vụ các tuyến vận tải hành khách cố định với các nội dung sau:

 - Tên điểm đón-trả :khách................................................................................................

 - Tên đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác: ........................................................................

 - Địa chỉ (2) ....................................................................................................................

 - Tổng diện tích đất:........................................................................................................

 **Điều 2**. (*Điểm đón-trả khách* ).......... (1).... kể từ ngày ký quyết định.

 **Điều 3**. Các ông (bà )......., ….*(cơ quan, tổ chức thực hiện)….* và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;-........- Lưu. | **Sở Giao thông vận tải***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

 (1) Đưa vào khai thác/ ngừng khai thác

 (2) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của Điểm đón-trả khách tuyến cố định

**Phụ lục 26**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND tỉnh, TP…..****SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số:………/QĐ-….. | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*.................., ngày tháng năm*

# QUYẾT ĐỊNH

# Về việc đưa ….(tên bến xe hàng)….. vào khai thác

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

 Căn cứ quyết định số .......của Uỷ ban nhân dân tỉnh.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải.

 Căn cứ Thông tư số :......../2013/TT - BGTVT ngày ........tháng.........năm...... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

 Căn cứ văn bản kiểm tra của Sở Giao thông vận tải, ngày...../......./.......

 Xét đề nghị của ………….

**QUYẾT ĐỊNH**

 **Điều 1.** Công bố đưa ...... *(tên bến xe hàng)…..* vào khai thác với các nội dung sau:

 - Tên bến xe hàng:.........................................................................................................

 - Tên đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác: ......................................................................

 - Địa chỉ (1) ...............................................................................................................

 - Tổng diện tích đất:.......................................................................................................

 - Diện tích kho hàng kín: ……………………………………………………………

 - Diện tích đỗ xe: ………………………………………………………………….

 **Điều 2**. (*bến xe hàng* ).......... được kinh doanh, khai thác kể từ ngày ký quyết định.

 **Điều 3**. Các ông (bà )......., ….*(cơ quan, tổ chức thực hiện)….* và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;-........- Lưu. | **Sở Giao thông vận tải***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

 (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của Bến xehàng

**Phụ lục 27**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX: ......** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*............., Ngày...... tháng..... năm.....*

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải............

 Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư……/TT-2013/BGTVT, …..(tên đơn vị vận tải)…. Báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong quý…..năm….. như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo tuyến cố định:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Số tuyến tham gia khai thác | Tuyến |  |
|  | - Tuyến nội tỉnh | -nt- |  |
|  | - Tuyến liên tỉnh | -nt- |  |
| 2 | Số lượng phương tiện | xe |  |
|  | - Tuyến nội tỉnh | -nt- |  |
|  | - Tuyến liên tỉnh | -nt- |  |
| 3 | Tổng số chuyến xe thực hiện | Chuyến |  |
|  | - Tuyến nội tỉnh | Chuyến |  |
|  | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % |  |
|  | - Tuyến liên tỉnh | Chuyến |  |
|  | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % |  |

2. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Số tuyến tham gia khai thác | Tuyến |  |
|  | - Số tuyến có trợ giá | -nt- |  |
| 2 | Số lượng phương tiện | xe |  |
| 3 | Tổng số chuyến xe thực hiện | Chuyến |  |
| 4 | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % |  |
| 5 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách |  |
| 6 | Trợ giá (nếu có) | 1000đ |  |

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe taxi:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng phương tiện  | xe |  |
| 2 | Lượt xe thực hiện | Lượt |  |
| 3 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách |  |

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo hợp đồng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng phương tiện | xe |  |
|  | - Sức chứa dưới 25 chỗ | -nt- |  |
| - Sức chứa từ 25 – 38 chỗ | -nt- |  |
| - Sức chứa từ trên 38 chỗ | -nt- |  |
| 2 | Số chuyến xe thực hiện | Chuyến |  |
| 3 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách |  |

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe du lịch:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng phương tiện | xe |  |
| 2 | Số chuyến xe thực hiện | Chuyến |  |
| 3 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách |  |

1. Thuận lợi, khó khăn: ………..
2. Đề xuất, kiến nghị: ………….

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp/Hợp tác xã**(Ký tên, đóng dấu) |

**Phụ lục 28**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Đơn vị kinh doanh** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............**  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*............, Ngày...... tháng .... năm......*

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải............

 Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư……/TT-2013/BGTVT, …..(tên đơn vị vận tải)…. Báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong quý…..năm….. như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng phương tiện | xe |  |
|  | - Xe công ten nơ | -nt- |  |
|  | - Xe taxi tải | -nt- |  |
|  | - Xe tải khác | -nt- |  |
| 2 | Sản lượng hàng hóa vận chuyển | Tấn |  |
|  | - Xe Công ten nơ | -nt- |  |
|  | - Xe taxi tải | -nt- |  |
|  | - Xe tải khác | -nt- |  |

2. Thuận lợi, khó khăn:……

3. Đề xuất, kiến nghị: …….

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị kinh doanh***Ký tên, đóng dấu* |

**Phụ lục 29**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: .............. /..............  |  |

*............., Ngày..... tháng..... năm....*

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI NĂM……**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

 Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư……/TT-2013/BGTVT, …..(*Sở GTVT làm báo cáo*)…. Báo cáo kết quả hoạt động vận tải trên địa bàn địa phương trong năm….. như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách

a) Vận chuyển hành khách liên tỉnh theo tuyến cố định

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số đơn vị vận tải trên địa bàn | Đơn vị |  |
|  | - Doanh nghiệp | -nt- |  |
|  | - Hợp tác xã | -nt- |  |
| 2 | Tổng số tuyến | Tuyến |  |
|  | - Tuyến nội tỉnh | -nt- |  |
|  | - Tuyến liên tỉnh | -nt- |  |
| 3 | Tổng số phương tiện | xe |  |
|  | - Tuyến nội tỉnh | -nt- |  |
|  | - Tuyến liên tỉnh | -nt- |  |
| 4 | Tổng chuyến xe thực hiện | Chuyến |  |
|  | - Tuyến nội tỉnh | -nt- |  |
|  | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % |  |
|  | - Tuyến liên tỉnh | Chuyến |  |
|  | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % |  |

*\* Ghi chú:* Chỉ tổng hợp số liệu báo cáo của các doanh nghiệp, HTX có trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại địa phương.

b) Vận chuyển hành khách theo hợp đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số đơn vị tham gia | Đơn vị |  |
|  | - Doanh nghiệp | -nt- |  |
|  | - Hợp tác xã | -nt- |  |
|  | - Hộ kinh doanh | -nt- |  |
| 2 | Tổng số phương tiện | xe |  |
|  | * Sức chứa dưới 25 chỗ
 | -nt- |  |
|  | - Sức chứa từ 25 – 38 chỗ | -nt- |  |
|  | - Sức chứa từ trên 38 chỗ | -nt- |  |
| 3 | Số chuyến xe thực hiện | Chuyến |  |
| 4 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách |  |

c) Vận chuyển hành khách bằng xe du lịch

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số đơn vị tham gia | Đơn vị |  |
|  | - Doanh nghiệp | -nt- |  |
|  | - Hợp tác xã | -nt- |  |
|  | - Hộ kinh doanh | -nt- |  |
| 2 | Tổng số phương tiện | xe |  |
|  | * Sức chứa dưới 25 chỗ
 | -nt- |  |
|  | - Sức chứa từ 25 – 38 chỗ | -nt- |  |
|  | - Sức chứa từ trên 38 chỗ | -nt- |  |
| 3 | Số chuyến xe thực hiện | Chuyến |  |
| 4 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách |  |

c) Vận chuyển hành khách bằng xe buýt

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số tuyến | Tuyến |  |
|  | - Số tuyến có trợ giá (nếu có) | -nt- |  |
| 2 | Tổng phương tiện | xe |  |
| 3 | Tổng số chuyến xe thực hiện | Chuyến |  |
| 4 | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % |  |
| 5 | Tổng trợ giá (nếu có) | Tr.đ |  |

2. Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng phương tiện | xe |  |
|  | - Xe Công ten nơ | -nt- |  |
|  | - Xe taxi tải | -nt- |  |
|  | - Xe tải khác | -nt- |  |
| 2 | Tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển | Tấn |  |
|  | - Xe Công ten nơ | -nt- |  |
|  | - Xe taxi tải | -nt- |  |
|  | - Xe tải khác | -nt- |  |

3. Thuận lợi, khó khăn: ……

4. Đề xuất, kiến nghị: ……..

|  |  |
| --- | --- |
|  | SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI(Ký tên, đóng dấu) |